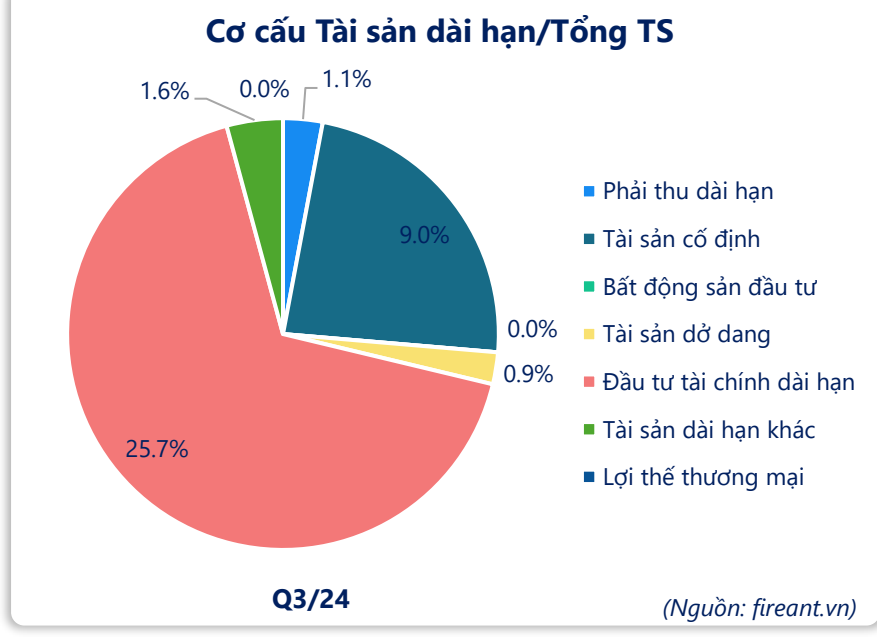
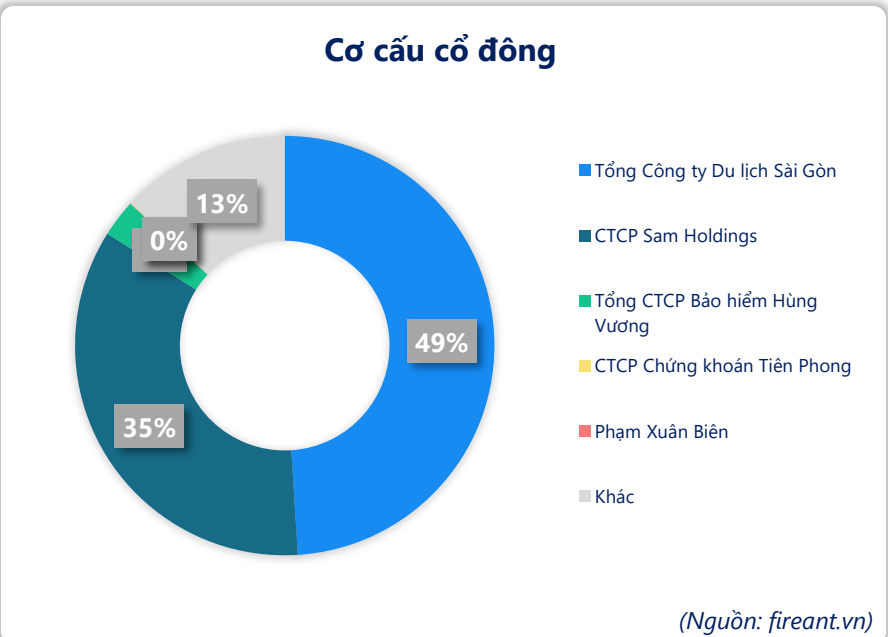
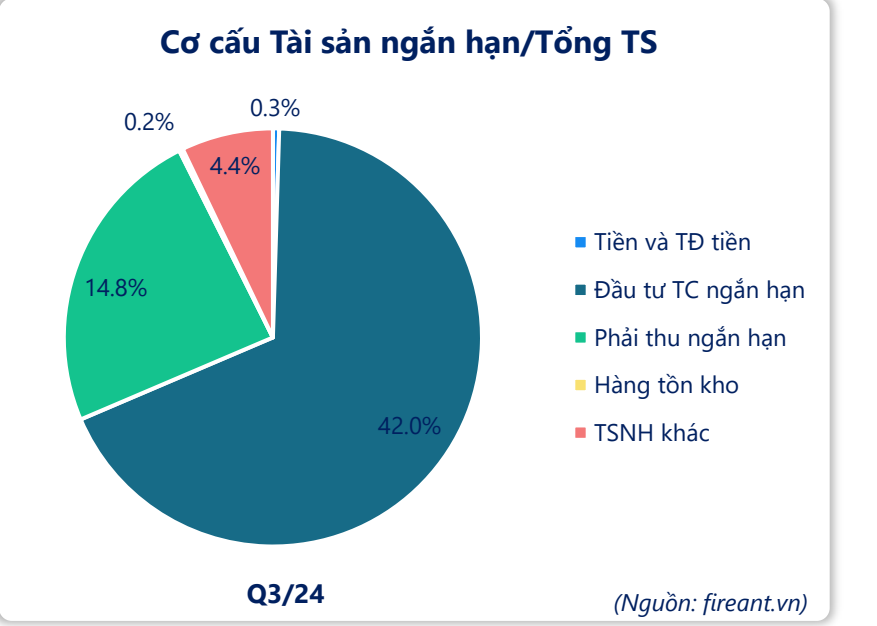
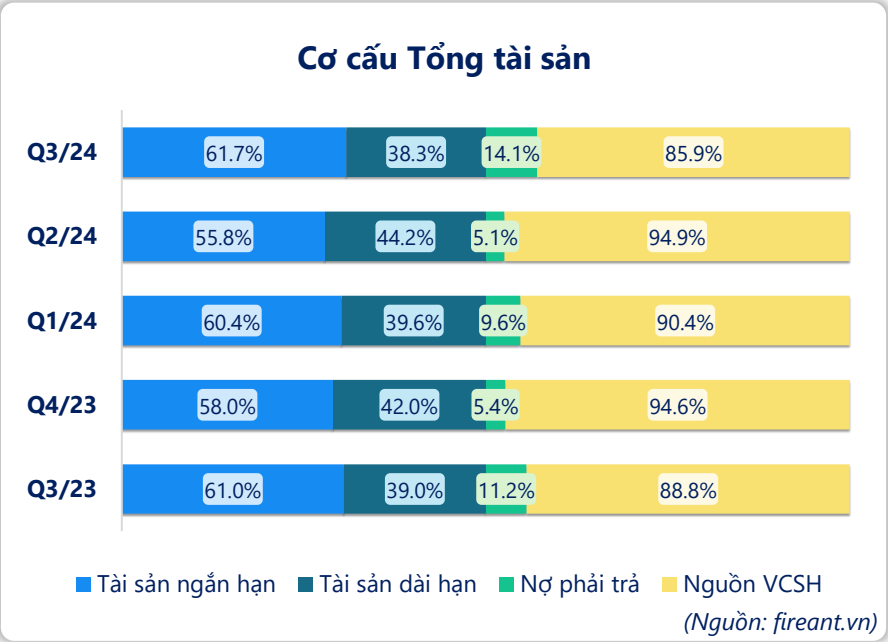
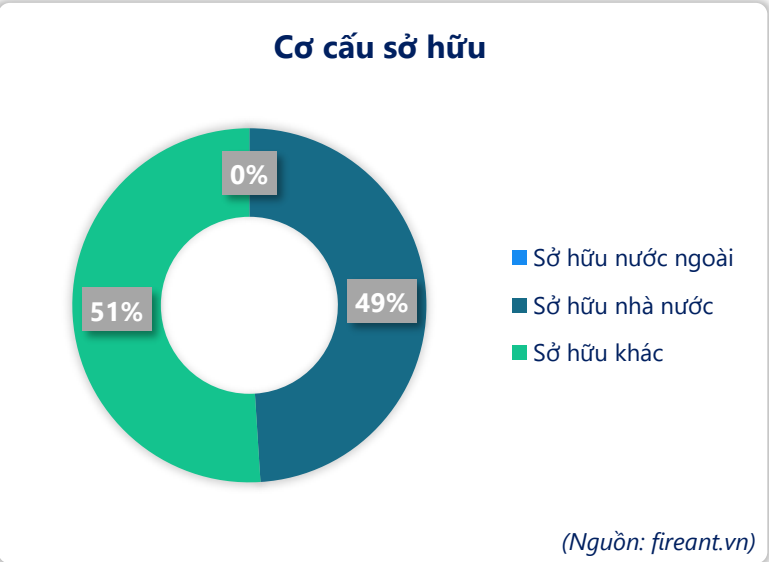
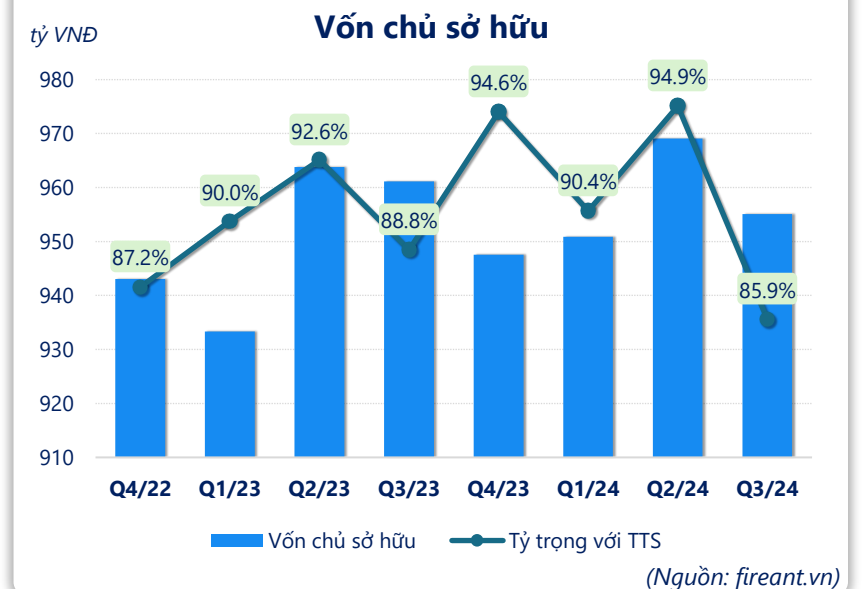
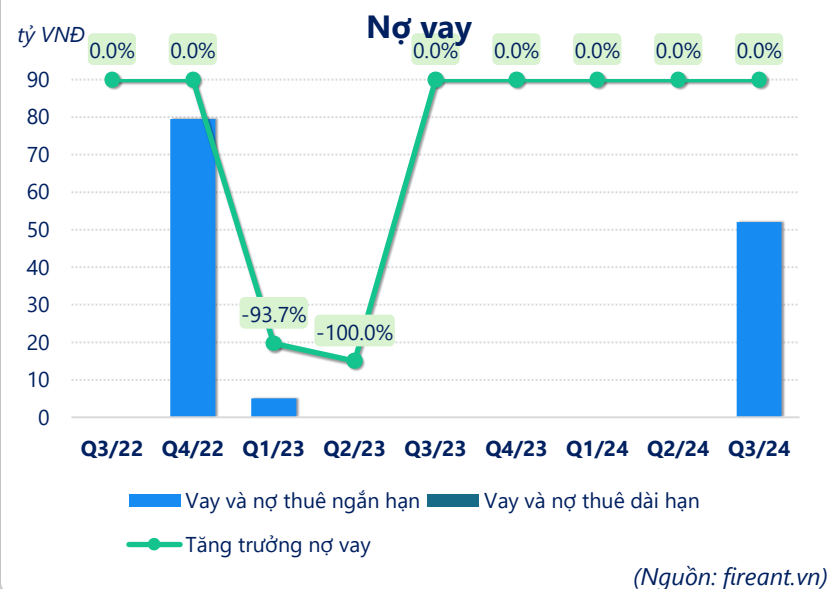
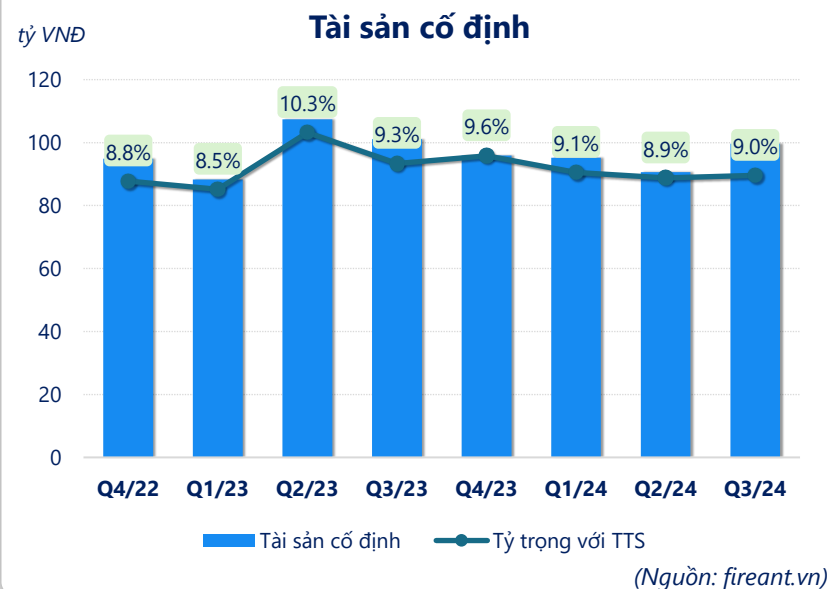
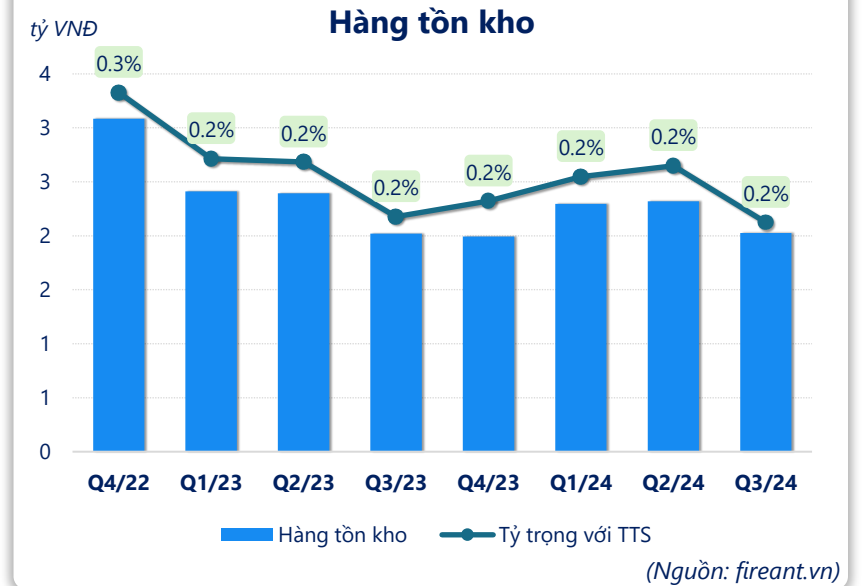
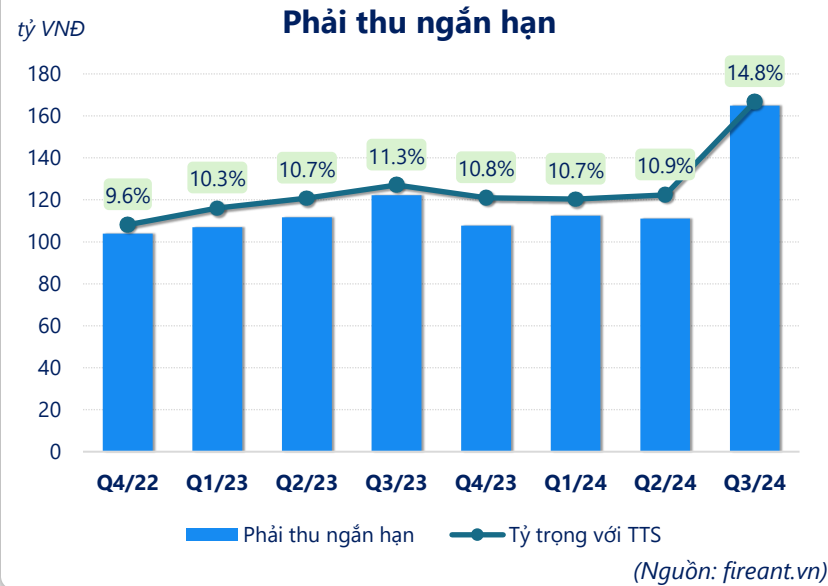
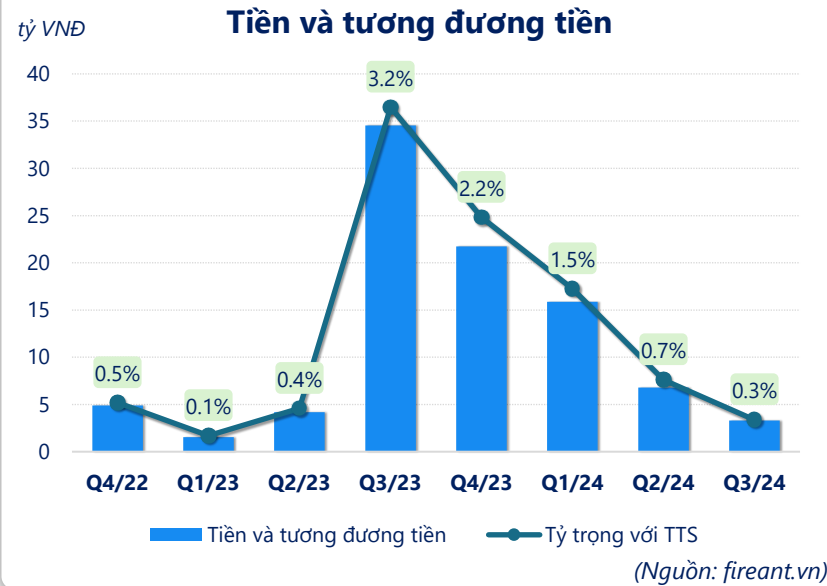
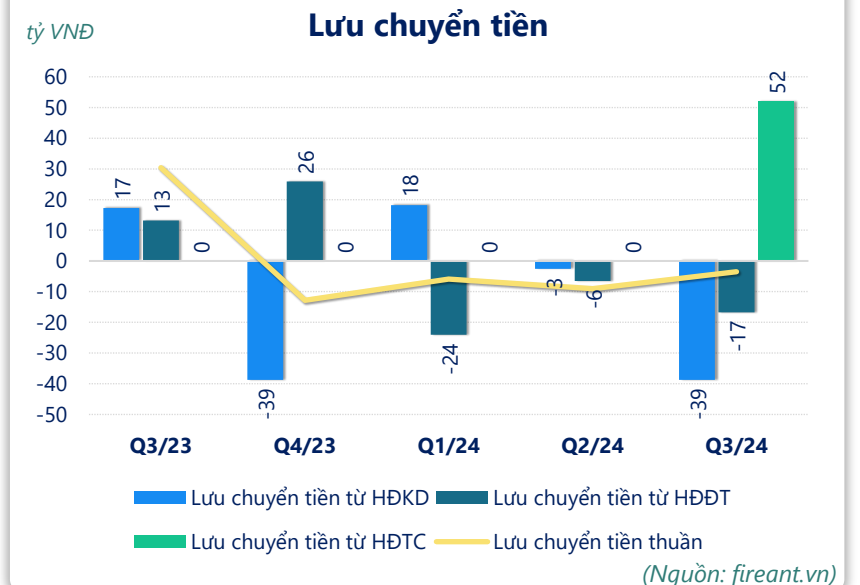
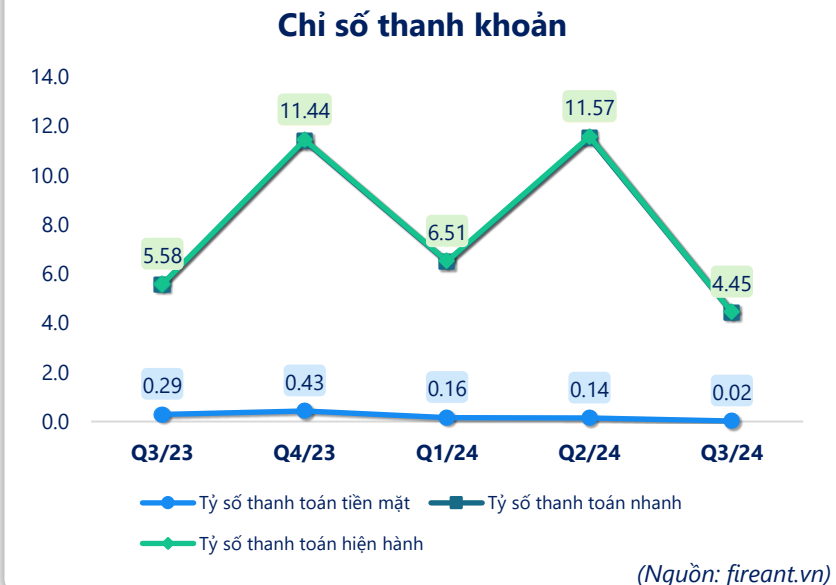
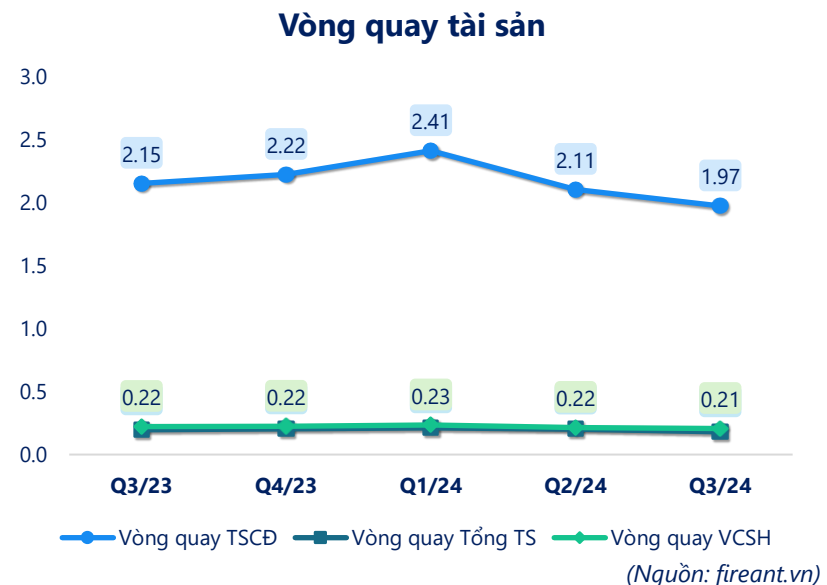
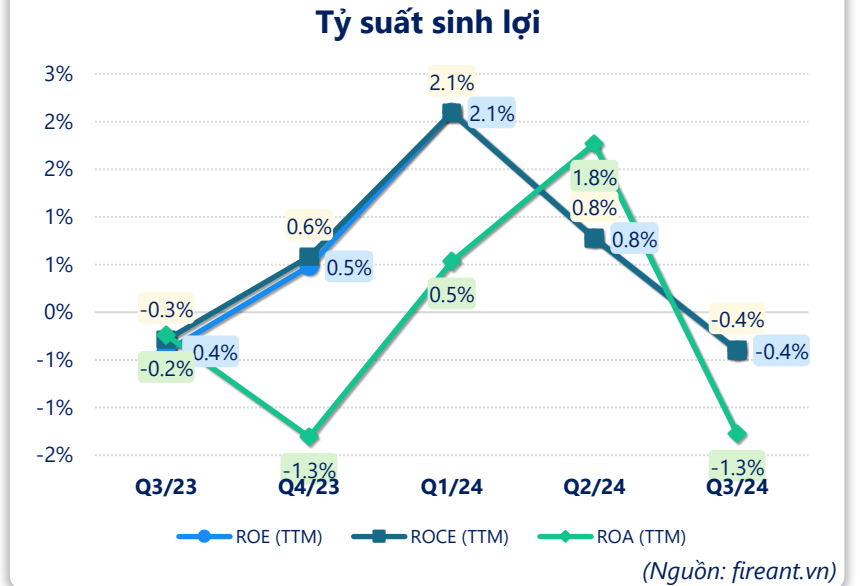
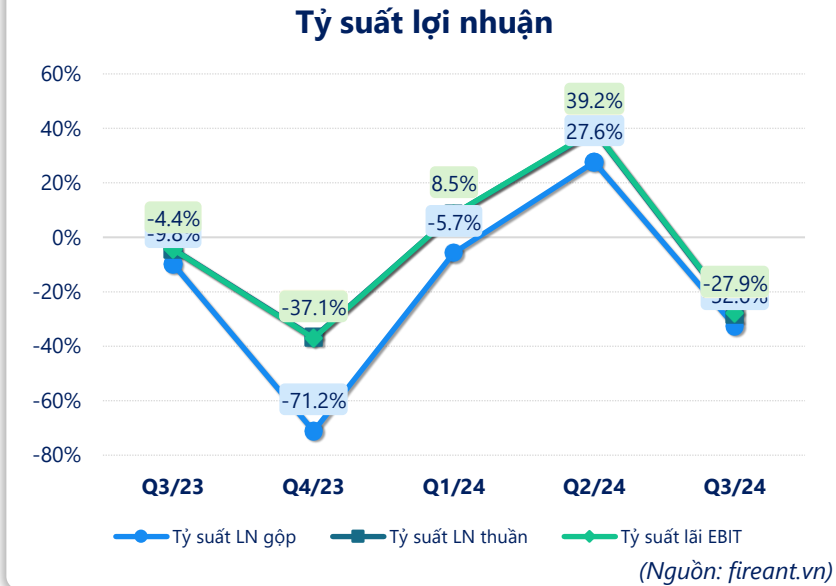
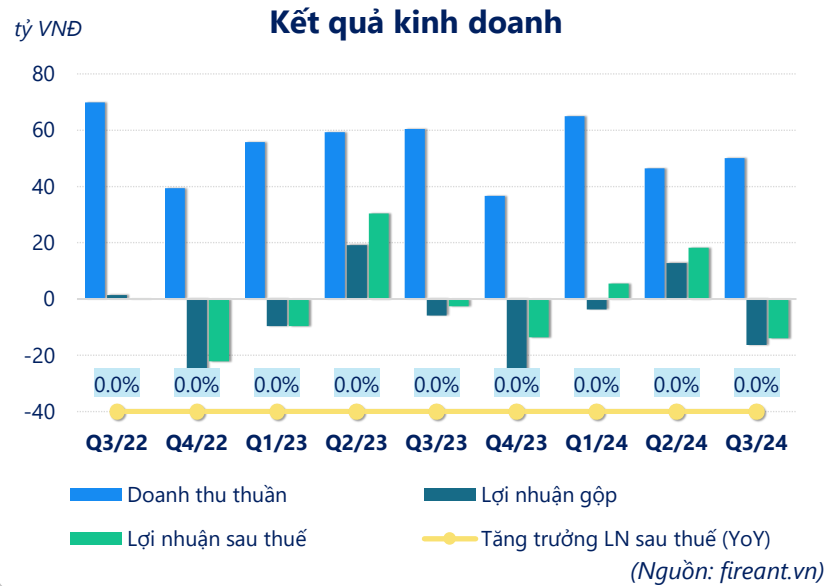


Thông tin giao dịch		30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		11,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		20,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,000
SL cổ phiếu LH		118,684,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		390
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,306
P/E		-339.6
EPS		-32

	YTD	1T	3T	6T
DSP	-31.7%	-5.2%	-6.8%	7.8%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,112	999	11.3%
Tài sản ngắn hạn	686	579	18.5%
Tiền và tương đương tiền	3.29	21.7	-84.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	468	425	10.0%
Phải thu ngắn hạn	165	106	56.0%
Hàng tồn kho	2.02	1.99	1.6%
Tài sản ngắn hạn khác	48.8	24.7	97.5%
Tài sản dài hạn	426	420	1.4%
Phải thu dài hạn	12.6	13.1	-4.0%
Tài sản cố định	99.6	95.9	3.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	10.2	8.88	14.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	286	292	-2.1%
Tài sản dài hạn khác	17.9	10.4	72.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	157	53.8	193%
Nợ ngắn hạn	154	50.8	204%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	52.0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	12.3	7.49	64.6%
Nợ dài hạn	2.98	2.97	0.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	955	945	1.0%
Vốn chủ sở hữu	955	945	1.0%
Vốn điều lệ	1,187	1,187	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	60.4	36.7	64.9	46.4	50.1
Giá vốn hàng bán	66.4	62.8	68.6	33.6	66.4
Lợi nhuận gộp	-5.93	-26.1	-3.68	12.8	-16.3
Doanh thu HĐTC	12.9	22.3	14.2	9.67	7.01
Chi phí TC	0	0.28	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0.02	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.89	0.98	1.29	1.06	1.17
Chi phí QLDN	7.74	8.45	3.74	3.32	3.64
LN thuần từ HĐKD	-2.62	-13.5	5.53	18.1	-14.1
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.13	0.02	0.12	0.13
LN trước thuế	-2.63	-13.6	5.55	18.2	-14.0
Lợi nhuận sau thuế	-2.63	-13.6	5.55	18.2	-14.0
LNST của CĐ cty mẹ	-2.63	-13.6	5.55	18.2	-14.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	17.2	-38.8	18.2	-2.58	-38.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	13.1	25.9	-24.1	-6.47	-16.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	52.0
Tiền đầu kỳ	4.17	34.5	21.7	15.9	6.81
Lưu chuyển tiền thuần	30.4	-12.8	-5.87	-9.06	-3.51
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	34.5	21.7	15.9	6.81	3.29

(Nguồn: fireant.vn)